TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 19-01-2026.

V/v Ly hôn giữa ông Trung và bà Tý.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Phạm Quốc Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:

Ông Lê Minh T, sinh năm 1985.

CCCD số: 083085002741; Cấp ngày: 09/5/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: số B, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Bị đơn:

Bà Lâm Thị T1, sinh năm 1985.

CCCD số: 094185010093; Cấp ngày: 24/3/2023; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: số B, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:

Ông và bà Lâm Thị T1 tự nguyện chung sống từ năm 2017, đến năm 2023 có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống có hạnh phúc. Sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà T1 không chăm lo đời sống gia đình, thường xuyên cãi nhau. Do xác định tình cảm không còn nên ông xin được ly hôn với bà Lâm Thị T1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

Vì lý do công việc, ông không thể trực tiếp tham gia vụ án nên có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Lâm Thị T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật HN&GĐ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T. Ông T được ly hôn với bà Lâm Thị T1.

- Về con chung: Không có.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: ông T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lê Minh T khởi kiện xin ly hôn, bị đơn bà Lâm Thị T1 có địa chỉ cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long thụ lý giải quyết vụ án "*Xin ly hôn*" là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Lê Minh T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Minh T.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn đến để tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn bà Lâm Thị T1.

[4] Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà T1 tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/7/2023 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tòa án đã triệu tập bà T1 để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà T1 đều vắng mặt, cũng không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thể hiện bà T1 không có nhu cầu hàn gắn quan hệ hôn nhân. Từ đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Lê Minh T phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Minh T được ly hôn với bà Lâm Thị T1.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: ông T khai không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Lê Minh T phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006273 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông Lê Minh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND Khu vực 5 - Vĩnh Long.
- Phòng THADS Khu vực 5 - Vĩnh Long.
- UBND xã Tiên Thủy, tỉnh Vĩnh Long (D(KKH tại UBND xã Thành Triệu, Châu Thành, Bến Tre).
- Đương sự
- Văn phòng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Như Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2026/QĐ-SCBS	*Vĩnh Long, ngày 27 tháng 02 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về chính tả trong bản án số 04/2026/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long về việc "Xin ly hôn", giữa:

* Nguyên đơn:

Ông Lê Minh T, sinh năm 1985.

CCCD số: 083085002741; Cấp ngày: 09/5/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: số B, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Bị đơn:

Bà Lâm Thị T1, sinh năm 1985.

CCCD số: 094185010093; Cấp ngày: 24/3/2023; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: số B, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Vắng mặt không lý do.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số 04/2026/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long như sau:

Tại dòng thứ 02 và 08 từ dưới lên, trang 1 của bản án nêu trên đã ghi: "Địa chỉ: số B, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "Địa chỉ: số B, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long".

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 5 - tỉnh Vĩnh Long.
- THADS tỉnh Vĩnh Long.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Như Phương